

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU  
VỰC 4 - LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2025/HS-ST

Ngày: 17-9-2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LAI CHÂU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đới Xuân Huy

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Công Đại  
- Bà Vàng Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thào Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thanh Nhài, ông Nguyễn Hữu T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Lai Châu xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2025. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST- HS ngày 04/9/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Đinh Minh G - Sinh năm 1962.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố A, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là Thôn A, xã B, tỉnh Lai Châu);

C ở trước khi bị bắt: Khu phố B, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là Thôn B, xã B, tỉnh Lai Châu).

Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần thương mại huyện M; Trình độ học vấn: 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn Đ (Đã chết) và bà Đặng Thị N (Đã chết); Bị cáo có vợ là Lò Thị T1 và 03 con. Con lớn nhất sinh năm 1988, con nhỏ nhất sinh năm 1996; Gia đình bị cáo có 04 anh, em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/10/2024 cho đến nay (Có mặt).

- *Những người làm chứng:*

1. Bà Mào Thị H - sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Bản N, xã B, tỉnh Lai Châu.

2. Ông Mào Văn T2 - sinh năm 1958 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã B, tỉnh Lai Châu

3. Ông Lý Lý H1 - sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, tỉnh Lai Châu

4. Ông Lý Anh H2 - sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, tỉnh Lai Châu

5. Ông Trần Xuân C1 - sinh năm 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường N, thành phố Hà Nội

6. Ông Nguyễn Sỹ C2 - sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, phường Đ, tỉnh Lai Châu (Vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Chí Đ1 - Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh L. (Vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Thương mại huyện M (sau đây gọi tắt là Công ty T), đăng ký lần đầu ngày 13/3/2010 (tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp huyện M, và trước đó là Công ty Thương nghiệp huyện M, tỉnh Lai Châu, có địa chỉ tại Khu phố C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu (nay là Khu phố C, xã B, tỉnh Lai Châu), là doanh nghiệp có 43,2% vốn Nhà nước, do Đinh Minh G, là người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp từ khi đăng ký lần đầu đến ngày 14/7/2020, đồng thời là Giám đốc và người đại diện theo pháp luật kể từ ngày 01/4/2010 cho đến nay. Công ty T kinh doanh các ngành nghề: Mua bán, chế biến, xuất nhập khẩu hàng hóa; dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống, vận tải hàng hóa, hành khách bằng đường bộ, đường sông và một số dịch vụ khác.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Luật ngân sách Nhà nước năm 2002, Công ty T có nghĩa vụ, trách nhiệm: “Trường hợp được Nhà nước trợ cấp, hỗ trợ vốn và kinh phí theo dự toán được giao thì phải quản lý, sử dụng các khoản vốn và kinh phí đó đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, có hiệu quả và quyết toán với cơ quan tài chính”.

Thực hiện khoản 3 Điều 57 Luật Ngân sách nhà nước năm 2002 (đối với những dự án, nhiệm vụ chi cấp thiết được tạm ứng trước dự toán để thực hiện) và căn cứ yêu cầu thực tiễn của địa phương phát sinh trong hoạt động quản lý Nhà nước, ngày 05/4/2013, Ủy ban nhân dân huyện M (UBND), ký Tờ trình số 65/TTr-UBND gửi cấp có thẩm quyền thuộc tỉnh Lai Châu đề nghị vay vốn dự trữ hàng hóa mùa mưa lũ, phục vụ nhu cầu tiêu dùng thường xuyên cho nhân dân, xây dựng kho dự trữ, mua phương tiện vận chuyển từ huyện đi các xã trên địa bàn huyện M năm 2013 với số tiền 5.799.000.000 đồng; căn cứ Tờ trình của UBND huyện M, ngày 16/5/2013, Đinh Minh G đại diện Công ty T ký Tờ trình số 01-TTr/TM đề nghị UBND tỉnh L, Sở Tài chính tỉnh L, UBND huyện M cấp chuyển vốn vay 05 tỷ đồng về tài khoản 7804201000650 của Công ty T mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện M và ký Cam kết số 02 cam kết sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, nhiệm vụ theo phương án, kế hoạch cấp trên giao, hoàn trả lại số vốn tạm ứng đúng thời hạn quy định.

Ngày 29/5/2013, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 551/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 551) về việc tạm ứng vốn ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện M, để UBND huyện M giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp trên địa bàn dự trữ hàng hóa thiết yếu phục vụ mùa mưa lũ năm 2013, số tiền 02 tỷ đồng, thời hạn hoàn trả 31/12/2013, kèm danh mục hàng hóa thiết yếu dự trữ theo Quyết định gồm: Muối Iốt, bột canh, mì chính, dầu ăn... trong đó, không có nội dung mua xe ô tô; ngày 04/6/2013, tại Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc UBND huyện M, Đinh Minh G đại diện Công ty T ký Giấy cam kết số 03, cam kết sử dụng vốn tạm ứng từ ngân sách Nhà nước theo đúng nội dung, phương án, kế hoạch được giao và hoàn trả đúng thời hạn quy định với UBND huyện M; ngày 06/6/2013, UBND huyện M ban hành Quyết định số 1071/QĐ-UBND (viết tắt là Quyết định số 1071), giao tạm ứng từ nguồn ngân sách Nhà nước huyện cho Công ty T số tiền 02 tỷ đồng để thực hiện nhiệm vụ dự trữ hàng hóa thiết yếu phục vụ mùa mưa lũ năm 2013, kèm theo danh mục hàng hóa dự trữ đúng với danh mục tại Quyết định số 551.

Ngày 10/6/2013, Công ty T nhận được số tiền 02 tỷ đồng từ ngân sách huyện M chuyển vào tài khoản của công ty. Sau khi nhận tiền tạm ứng, bị cáo G chỉ đạo bộ phận kế toán của công ty sử dụng **370** triệu đồng phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty, cụ thể: Trả nợ 250 triệu đồng tiền mua hàng hóa trước thời điểm cấp tạm ứng (*muối I, gạo*); nhập quỹ tiền mặt 90 triệu đồng; trả tiền mua hàng hóa dịch vụ 30 triệu đồng. Do muốn có xe ô tô phục vụ hoạt động vận chuyển hàng hóa của công ty, nên bị cáo G, với vai trò là Giám đốc, đã một mình tự ý quyết định sử dụng **1.628.668.000 đồng** trong tổng số tiền 02 tỷ đồng được giao tạm ứng nêu trên để mua xe ô tô, trái với quyết định số 551 và quyết

định số 1071, cũng như Giấy cam kết số 03 với UBND huyện M (xe ô tô Hyundai HD 170, mang BKS 25C-006.86, đăng ký ngày 11/7/2013).

Sau khi mua xe, do công ty phát sinh nhu cầu sử dụng vốn, nên ngày 31/7/2013, Đinh Minh G đã quyết định thế chấp xe ô tô trên để vay 900 triệu đồng tại Ngân hàng Agribank huyện M. Đến tháng 8/2014, do không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng, G đã quyết định bán xe ô tô trên cho Công ty TNHH MTV T3, có địa chỉ tại khu phố I, thị trấn M với giá 1,4 tỷ đồng và tất toán khoản vay gồm gốc, lãi cho Ngân hàng số tiền 952.233.333 đồng, số tiền còn lại là 447.766.667 đồng được sử dụng vào các hoạt động của công ty như xây dựng nhà kho, mua hàng hóa ...

Quá trình sử dụng ô tô, do không có hàng hóa dự trữ để vận chuyển đi các xã trên địa bàn huyện, xe ô tô không hoạt động dịch vụ vận chuyển nên công ty không thu hồi được vốn, nợ tạm ứng ngân sách Nhà nước kéo dài và không có khả năng trả nợ. Xét thấy Công ty T có dấu hiệu sai phạm trong việc sử dụng vốn tạm ứng từ ngân sách Nhà nước, ngày 19/5/2022 Thanh tra tỉnh Lai Châu đã ban hành Quyết định thanh tra số 95 về thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn tạm ứng Ngân sách Nhà nước tại Công ty Cổ phần thương mại huyện M. Ngày 31/5/2024, Thanh tra tỉnh Lai Châu đã ban hành Kết luận thanh tra số 531/KL-TTr về việc quản lý, sử dụng nguồn tạm ứng ngân sách Nhà nước tại Công ty Cổ phần Thương mại huyện M. Ngày 04/6/2024, Thanh tra tỉnh Lai Châu chuyển hồ sơ vụ việc có dấu hiệu tội phạm xảy ra tại Công ty Cổ phần Thương mại huyện M sang Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh L để điều tra theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận giám định số 1968/KL-STC, ngày 19/10/2024, của Sở Tài chính tỉnh L, kết luận:

“- Việc ông Đinh Minh G – Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại huyện M sử dụng số tiền tạm ứng có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước để mua xe Hyundai HD 170, biển kiểm soát 25C-006.86 là không đúng quy định, cụ thể tại Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 06/6/2013 của UBND huyện M tạm ứng cho Công ty Cổ phần Thương mại huyện M để dự trữ hàng hóa thiết yếu phục vụ mùa mưa lũ năm 2013. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền tạm ứng từ ngân sách, Công ty Cổ phần Thương mại huyện M sử dụng số tiền tạm ứng có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước để mua xe ô tô Hyundai HD 170, biển kiểm soát 25C-006.86, là không đúng mục đích vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều 28, Khoản 2 Điều 53 và Khoản 5 Điều 72 của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002; Khoản 3, Điều 6 Luật quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước năm 2008; Khoản 2, 3 Điều 8 và Khoản 6 Điều 82 của Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/06/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 06/6/2013 của UBND huyện M về việc tạm ứng vốn ngân sách tỉnh cho Công ty Cổ phần Thương mại huyện M để dự trữ hàng hóa thiết yếu phục vụ mùa mưa lũ năm 2013. Trong đó không quy định trường hợp công ty không thực hiện hoàn trả tạm ứng ngân sách Nhà nước đúng quy định thì chế tài xử lý cụ thể như thế nào và các quy định của pháp luật chưa quy định chi tiết về trường hợp này. Ngày 03/5/2024 và ngày 10/5/2024 Công ty Cổ phần Thương mại huyện M đã thực hiện hoàn trả ngân sách huyện M số tiền lần lượt là: 1.500 triệu đồng và 500 triệu đồng (bằng tổng số kinh phí huyện M đã tạm ứng cho Công ty Cổ phần Thương mại huyện M tại Quyết định số 1071/QĐ-UBND ngày 06/6/2013 của UBND huyện M). Như vậy, đối chiếu với các quy định hiện hành và theo viện dẫn tại các quy định nêu trên thì chỉ có thể xác định việc sử dụng số tiền tạm ứng để mua xe ô tô Hyundai HD 170 không đúng với nhiệm vụ được giao dẫn tới lãng phí trong việc quản lý, sử dụng tiền tạm ứng vốn từ ngân sách huyện M cho Công ty Cổ phần T do không hiệu quả, sử dụng sai mục tiêu, số tiền lãng phí được xác định tương ứng với số tiền sử dụng sai mục tiêu là dùng tiền tạm ứng từ ngân sách để mua xe ô tô Hyundai HD 170, biển kiểm soát 25C-006.86 là 1.628.668.000 đồng (Một tỷ sáu trăm hai mươi tám triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng).”

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSLC-P1 ngày 20/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố Đinh Minh G về tội: “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí” theo khoản 3 Điều 219 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố phân tích các tài liệu chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 219; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự. Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên bố bị cáo Đinh Minh G phạm tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí" xử phạt bị cáo Đinh Minh G mức án từ 03 năm đến 04 năm tù. Cấm đảm nhiệm chức vụ giám đốc Công ty Cổ phần thương mại huyện M từ 01 năm đến 02 năm. Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra; Viện kiểm sát; Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo vắng mặt không có lý do: Xét thấy tại phiên tòa bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt người bào chữa nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt người bào chữa theo khoản 2 Điều 291 BLTTHS .

[2]. Về tính chất, mức độ, hành vi của bị cáo:

Xét lời khai nhận của bị cáo Đinh Minh G tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lai Châu đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tháng 6 năm 2013, Công ty Cổ phần Thương mại huyện M (là doanh nghiệp có 43,2% vốn Nhà nước) được Ủy ban nhân dân huyện M giao tạm ứng 02 tỷ đồng từ ngân sách Nhà nước của huyện để thực hiện nhiệm vụ mua hàng hóa dự trữ, phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho nhân dân trong mùa mưa lũ năm 2013. Tuy nhiên, bị cáo Đinh Minh G – Người đại diện phần vốn Nhà nước, đồng thời là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Thương mại huyện M đã tự ý sử dụng 1.628.668.000 đồng trong số tiền 02 tỷ đồng được giao tạm ứng để mua xe ô tô phục vụ hoạt động của công ty. Việc sử dụng số tiền được giao tạm ứng trên để mua xe ô tô của bị cáo G là sai mục tiêu, trái với nhiệm vụ được giao, vi phạm Luật ngân sách Nhà nước năm 2002. Hậu quả của việc sử dụng ngân sách Nhà nước để mua xe ô tô không đúng nhiệm vụ được giao và sử dụng xe ô tô không có hiệu quả kinh tế, không thu hồi được vốn để trả ngân sách Nhà nước đã lãng phí trong việc quản lý, sử dụng tiền tạm ứng vốn từ ngân sách Nhà nước số tiền 1.628.668.000 đồng.

Bị cáo Đinh Minh G có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi tự ý sử dụng 1.628.668.000 đồng trong số tiền 02 tỷ đồng được giao tạm ứng từ ngân sách Nhà nước của huyện để thực hiện nhiệm vụ mua hàng hóa dự trữ, phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho nhân dân trong mùa mưa lũ năm 2013 để mua xe ô tô của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí" theo quy định tại khoản 3 Điều 219 Bộ luật Hình sự. Vì vậy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và các vấn đề khác liên quan là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với tính chất, mức độ cũng như hành vi phạm tội của bị cáo nên cần chấp nhận.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo Đinh Minh G là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 BLHS.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Đinh Minh G thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền đã tạm ứng từ ngân sách nhà nước là 2 tỷ đồng trước khi có kết luận Thanh tra; bị cáo đã phát hiện, cung cấp thông tin tội phạm Đánh bạc xảy ra tại thị trấn M, huyện M vào tháng 3/2025 cho Công an huyện M để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật, được Cơ quan điều tra xác nhận và đề nghị giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bên cạnh đó quá trình công tác, bị cáo Đinh Minh G được Sở Thương mại và Du lịch tỉnh L, Ban chấp hành Công đoàn ngành Thương mại và Du lịch Lai C3 tặng Giấy khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác các năm 2001, 2002, 2006; bị cáo có thân nhân (anh vợ) là Liệt sỹ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ; quá trình sinh sống tại địa phương, bị cáo đã có thành tích cứu giúp công dân khi xảy ra hỏa hoạn ngày 20/5/2020, được chính quyền địa phương xác nhận. Nên Hội đồng xét xử cần áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, t, s khoản 1, khoản 2 điều 51 BLHS.

Do bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS. Trong đó có tình tiết giảm nhẹ bị cáo đã khắc phục toàn bộ và thừa số tiền lãng phí trong vụ án thể hiện rõ trách nhiệm, thái độ ăn năn, hối cải góp phần giảm thiệt hại cho Nhà nước và cũng là mong muốn sửa chữa lỗi lầm của mình. Hội đồng xét xử xét

thấy cần xem xét việc bị cáo là người cao tuổi, có nhiều thành tích trong lao động, các đóng góp cho xã hội và đặc biệt là việc bị cáo đã khắc phục toàn bộ số tiền đã gây lãng phí, vận dụng tinh thần nghị quyết 68/2025/TW của Bộ C4 nên Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 54 BLHS khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, để cho bị cáo được hưởng mức án đủ để răn đe, cải tạo bị cáo nhưng cũng thể hiện rõ sự khoan hồng của pháp luật.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 291 Bộ luật hình sự: “*Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội khi đang giữ chức vụ Giám đốc, sau khi chấp hành xong hình phạt tù cần cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ một thời gian nhất định để phòng ngừa nguy hại cho xã hội.

[5]. Về vật chứng của vụ án:

Toàn bộ hồ sơ chứng từ, sổ sách, tài liệu là chứng cứ quan trọng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cần được lưu cùng hồ sơ vụ án.

[6]. Về những vấn đề khác:

- Ngoài lần tạm ứng 02 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Nhà nước vào năm 2013, Công ty T còn được Ủy ban nhân dân tỉnh L cấp tạm ứng vốn từ ngân sách Nhà nước 700 triệu đồng năm 2010; cấp tạm ứng 1,5 tỷ đồng năm 2011. Công ty đã thực hiện hoàn ứng số tiền 3.341.000.000 đồng (gồm 1.628.668.000 đồng bị can khắc phục hậu quả và 371.332.000 đồng bị can nộp dư nhằm góp phần cùng công ty hoàn ứng cho ngân sách Nhà nước), còn nợ ngân sách Nhà nước 859 triệu đồng. Kết quả điều tra xác định: Các lần tạm ứng ngân sách Nhà nước năm 2010, 2011 được Công ty T theo dõi, hạch toán trên sổ sách kế toán và sử dụng đúng mục đích nên không có căn cứ để xác định thiệt hại, thất thoát, lãng phí đối với các lần tạm ứng này. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm đối với ông Mào Văn T2 (*nguyên Giám đốc Công ty T thời điểm từ 01/01/2010 đến 31/3/2010*) và Đinh Minh G trong các lần tạm ứng này là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Theo lời khai của bị can Đinh Minh G: Việc sử dụng 02 tỷ đồng tạm ứng năm 2013 để mua xe ô tô là do ông Lý Lý H1 (*nguyên Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND huyện M*) chỉ đạo: Quá trình điều tra, ông H1 không thừa nhận như bị cáo khai báo, ngoài lời khai duy nhất của bị cáo, không có tài liệu, chứng cứ khác làm rõ nội dung này, nên không có căn cứ để xử lý đối với ông H1. Tuy nhiên, với vai trò là Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND huyện M, ông H1 đã không căn cứ các điều kiện thực tế để lựa chọn doanh nghiệp đủ điều kiện thực hiện nhiệm vụ, chưa kịp thời tham mưu UBND huyện M tiến hành kiểm tra, giám sát việc dự trữ hàng hóa sau khi giao vốn tạm

ứng. Vì vậy, ngày 24/6/2025, Cơ quan điều tra Công an tỉnh L đã ban hành văn bản đề nghị UBND huyện M xem xét trách nhiệm cá nhân đối với ông Lý Lý H1 là phù hợp với quy định.

- Đối với ông Lý Anh H2 (*nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện M*) là người ký ban hành Quyết định số 1071 theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh L tại Quyết định số 551/QĐ-UBND đúng với số tiền tạm ứng, danh mục hàng hóa dự trữ và thời hạn hoàn trả. Ông Lý Anh H2 không được bàn bạc, thống nhất đề Đỉnh Minh G sử dụng tiền tạm ứng từ ngân sách nhà nước để mua xe ô tô Hyundai HD170, cũng không được nhận lợi ích gì từ Công ty T. Vì vậy, không có căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Lý Anh H2 trong vụ án.

- Đối với ông Trần Xuân C1 (*nguyên Giám đốc Sở Tài chính tỉnh L*), ông Nguyễn Sỹ C2 (*nguyên Giám đốc Sở Công thương tỉnh L*) là người ký các Tờ trình đề nghị UBND tỉnh giao tạm ứng ngân sách Nhà nước cho Công ty T, kết quả điều tra xác định: Năm 2011, sau khi nhận tiền tạm ứng từ ngân sách tỉnh, Công ty T sử dụng mua hàng hóa, thực hiện nhiệm vụ dự trữ hàng hóa theo danh mục nên không có căn cứ để xác định thiệt hại, thất thoát, lãng phí đối với lần tạm ứng này. Đối với lần tạm ứng năm 2013, trên cơ sở tờ trình của Sở T, văn bản tham gia ý kiến của Sở C, UBND tỉnh L không trực tiếp giao tạm ứng vốn ngân sách Nhà nước cho Công ty T mà chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện M lựa chọn doanh nghiệp trên địa bàn để giao nhiệm vụ dự trữ hàng hóa thiết yếu phục vụ mùa mưa lũ năm 2013. Vì vậy không có căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối các cá nhân nêu trên.

- Đối với chị Mào Thị H (*nguyên kế toán của Công ty Thương mại huyện M*) là người lập các chứng từ thanh toán chi phí mua xe ô tô Hyundai HD170 từ nguồn tạm ứng ngân sách Nhà nước năm 2013 theo chỉ đạo của Đỉnh Minh G, kết quả điều tra xác định: Chị Mào Thị H thực hiện việc lập chứng từ theo chỉ đạo của Giám đốc Công ty tuy nhiên chị H không nhận được Quyết định số 1071 về việc giao tạm ứng cũng như không nắm được các danh mục hàng hóa kèm theo. Do đó, không có căn cứ xác định chị H có trách nhiệm trong việc bị cáo G sử dụng ngân sách tạm ứng không đúng mục tiêu dẫn đến lãng phí.

[7]. Về án phí: Xét thấy bị cáo là người cao tuổi nên cần miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 219; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 135;

Khoản 2 Điều 136; khoản 2 Điều 291; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo Đinh Minh G phạm tội “Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí”.

2. Xử phạt bị cáo Đinh Minh G 03 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 28/10/2024. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ giám đốc Công ty Cổ phần thương mại huyện M 01 năm kể từ ngày bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

3. Án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND Khu vực 4 - Lai Châu;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 4 - Lai Châu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Lai Châu;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Lai Châu;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lai Châu;
- Lưu HS – HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đới Xuân Huy**